

78DT(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2019

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 5 ... Ngày: ... 15/5/2019

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nội dung quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử, hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Nội dung quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử (sau đây gọi tắt là quy hoạch) thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Năng lượng nguyên tử được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Điều 15 Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý; xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách; phát triển nguồn nhân lực; xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; bảo đảm an toàn, an ninh; nâng cao nhận thức và sự ủng hộ của cộng đồng; đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế; đầu tư, tài chính và huy động vốn; tổ chức thực hiện quy hoạch.

2. Hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử (sau đây gọi tắt là hợp phần quy hoạch) là một nội dung của quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử được lập để thực hiện việc tích hợp quy hoạch.

3. Các hợp phần quy hoạch bao gồm:

a) Hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong ngành y tế: y học hạt nhân, xạ trị, điện quang;

b) Hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong ngành tài nguyên và môi trường: khí tượng, thủy văn, tài nguyên nước, địa chất, khoáng sản, bảo vệ môi trường;

c) Hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong ngành nông nghiệp: chọn tạo giống cây trồng, vi sinh vật; bảo vệ thực vật; nông hoá, thổ nhưỡng và dinh dưỡng cây trồng; chăn nuôi, thú y; nuôi trồng thủy sản; bảo quản và chế biến sau thu hoạch;

d) Hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong ngành công nghiệp;

đ) Các hợp phần quy hoạch khác được xác định trong giai đoạn lập nhiệm vụ lập quy hoạch.

Điều 4. Thời kỳ quy hoạch, thời hạn lập quy hoạch

Thời kỳ quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử là 10 năm, tầm nhìn của quy hoạch là từ 30 năm đến 50 năm. Thời hạn lập hợp phần quy hoạch không quá 18 tháng, thời hạn lập quy hoạch không quá 30 tháng kể từ ngày nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt.

Điều 5. Hoạt động quy hoạch

1. Lập quy hoạch:

a) Lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

b) Tổ chức lập quy hoạch.

2. Thẩm định quy hoạch.

3. Phê duyệt quy hoạch.

4. Công bố quy hoạch.
5. Thực hiện quy hoạch.
6. Đánh giá quy hoạch.
7. Điều chỉnh quy hoạch.

Điều 6. Chi phí cho hoạt động quy hoạch

1. Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, được áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật về giá, định mức trong hoạt động quy hoạch.

2. Chi phí thực hiện quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch, cơ quan lập hợp phần quy hoạch

1. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan tổ chức lập quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

2. Bộ Y tế tổ chức lập hợp phần quy hoạch trong ngành y tế; Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập hợp phần quy hoạch trong ngành tài nguyên và môi trường; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lập hợp phần quy hoạch trong ngành nông nghiệp; Bộ Công Thương tổ chức lập hợp phần quy hoạch trong ngành công nghiệp.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức có liên quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Cơ quan lập quy hoạch do Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định; cơ quan lập hợp phần quy hoạch do cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch quyết định.

Chương II LẬP QUY HOẠCH

Mục 1 NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH

Điều 8. Lập nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch và các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức lập nhiệm vụ lập quy hoạch.

2. Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan lập hợp phần quy hoạch, các cơ quan, tổ chức liên quan lập nhiệm vụ lập quy hoạch, bao gồm các hoạt động sau đây:

a) Xây dựng thuyết minh bao gồm việc xác định phạm vi nghiên cứu, nội dung cụ thể của quy hoạch, xác định các hợp phần quy hoạch cần lập và nội dung cụ thể từng hợp phần quy hoạch phù hợp với nội dung quy hoạch cần lập, đề xuất phân công cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch, dự toán kinh phí lập nhiệm vụ lập quy hoạch bao gồm kinh phí thuê chuyên gia tư vấn, trình Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

b) Lập nhiệm vụ lập quy hoạch theo thuyết minh và dự toán kinh phí được phê duyệt, xây dựng báo cáo nhiệm vụ lập quy hoạch;

c) Trình Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch; hoàn thiện nhiệm vụ lập quy hoạch trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

Điều 9. Báo cáo nhiệm vụ lập quy hoạch

Báo cáo nhiệm vụ lập quy hoạch bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Căn cứ lập quy hoạch.
2. Phạm vi, thời kỳ quy hoạch, tầm nhìn của quy hoạch.
3. Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch.
4. Rà soát, đánh giá tổng quan quy hoạch thời kỳ trước và triển vọng, nhu cầu phát triển và nguồn nhân lực trong thời kỳ quy hoạch.
5. Nội dung cụ thể của quy hoạch và các hợp phần quy hoạch.
6. Phương pháp lập quy hoạch; quy trình tích hợp quy hoạch.
7. Thành phần, số lượng và tiêu chuẩn, quy cách sản phẩm quy hoạch.
8. Thời hạn lập quy hoạch; kế hoạch, tiến độ lập quy hoạch và các hợp phần quy hoạch.
9. Chi phí lập quy hoạch và các hợp phần quy hoạch.
10. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc tổ chức lập quy hoạch.

Điều 10. Tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch và phân công cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch.

2. Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch có tối thiểu 11 thành viên. Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên. Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ, thành viên của Hội đồng bao gồm đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, tổ chức có liên quan, chuyên gia trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

3. Hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch và giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, thảo luận công khai, biểu quyết theo đa số. Phiên họp thẩm định được tiến hành khi có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng thẩm định dự họp, trong đó có Chủ tịch Hội đồng thẩm định, đại diện cơ quan thường trực Hội đồng và có mặt đại diện cơ quan lập quy hoạch. Nhiệm vụ lập quy hoạch đủ điều kiện trình phê duyệt khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng thẩm định dự họp bỏ phiếu đồng ý thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa.

4. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, nghiên cứu và xử lý hồ sơ, cung cấp hồ sơ trình thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch cho các thành viên của Hội đồng thẩm định nghiên cứu tham gia ý kiến, tổ chức họp Hội đồng thẩm định, lập biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm định; yêu cầu cơ quan lập quy hoạch chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hoặc xây dựng lại nhiệm vụ lập quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định; tổ chức thẩm định lại nhiệm vụ lập quy hoạch trong trường hợp nhiệm vụ lập quy hoạch không được thông qua; dự thảo Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định phê duyệt; được sử dụng kinh phí, bộ máy, phương tiện và con dấu của cơ quan, đơn vị mình để thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Hồ sơ trình thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch gồm các tài liệu sau đây:

- a) Tờ trình;
- b) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;
- c) Báo cáo nhiệm vụ lập quy hoạch quy định tại Điều 9 Nghị định này;
- d) Tài liệu khác (nếu có).

6. Nội dung thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch:

- a) Sự phù hợp của các căn cứ pháp lý;
- b) Sự phù hợp, tính khoa học, độ tin cậy của nội dung, phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch;